

QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý và thực hiện

Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Hà Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2021/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Hà Nam (sau đây gọi tắt là Chương trình).
2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Chương trình, các đơn vị chủ trì thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại thuộc Chương trình, các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 2. Mục tiêu Chương trình

Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hà Nam là chương trình được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển thị trường ngoại thương; thị trường trong nước phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhằm:

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển ngoại thương, mở rộng thị trường trong nước.
2. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại.
3. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh; tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao lợi thế thương mại một số sản phẩm chủ lực của tỉnh.
4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch.

Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương; các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại có nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, tiêu chí tại Quy chế này.
2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a) Có tư cách pháp nhân;
 - b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
 - c) Có nội dung xúc tiến thương mại thiết thực, phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy chế này;
 - d) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh;

đ) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;

e) Có đầy đủ hồ sơ đề xuất chương trình theo đúng quy định và được Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt;

g) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của Nhà nước.

Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh, các hội, hiệp hội và các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

3. Ưu tiên hỗ trợ đơn vị tham gia Chương trình là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp và các hợp tác xã mới thành lập; sản xuất, kinh doanh sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thống, đặc sản của tỉnh; sản phẩm có thương hiệu, nhãn hiệu đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc có sản phẩm đạt giải cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp quốc gia, có nhu cầu quảng bá sản phẩm mới.

Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình

Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý nhà nước về Chương trình, có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp huyện triển khai thực hiện Quy chế và chỉ đạo thực hiện Chương trình;

2. Hướng dẫn các đơn vị chủ trì xây dựng các đề án, nhiệm vụ xúc tiến thương mại hàng năm và giai đoạn theo quy định của Quy chế này.

3. Quy định tiêu chí đối với đề án xúc tiến thương mại phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình;

4. Đánh giá, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đề án để tổng hợp vào Chương trình;

5. Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, đề án đã được phê duyệt;

6. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh;

7. Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a) Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ;

b) Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ hàng năm theo kế hoạch;

c) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị tham gia Chương trình;

- d) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- đ) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình theo nguyên tắc:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương.

b) Hỗ trợ kinh phí cho đơn vị tham gia thông qua các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.

Điều 7. Quản lý kinh phí thực hiện Chương trình

1. Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí xúc tiến thương mại và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Sở, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch và trên cơ sở Chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn, Sở Công Thương tiến hành phê duyệt các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại và kinh phí hỗ trợ theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại của Chương trình không vượt quá tổng dự toán được giao.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại và phân bổ kinh phí hỗ trợ Chương trình của Sở Công Thương, các đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ được phân bổ.

4. Kinh phí xúc tiến thương mại do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch thì nộp trả ngân sách tỉnh.

5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh, quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Điều 8. Nội dung, mức hỗ trợ đối với Chương trình xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

1. Hỗ trợ hoạt động kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối ở nước ngoài và tại Hà Nam.

a) Tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài và tại Hà Nam đối với các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh; tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Hà Nam đối với các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mà tỉnh Hà Nam sản xuất.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Mục I, Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại (gọi tắt là Thông tư số 11/2019/TT-BCT).

b) Tổ chức, tham gia đoàn khảo sát thị trường, giao dịch với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 10, Mục I, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

c) Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Hà Nam tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp của Hà Nam; kết nối giao thương tại Hà Nam giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 11, Điều 13, Mục I, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

d) Tổ chức, tham gia hội nghị quốc tế tại Hà Nam về ngành hàng xuất khẩu.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 12, Mục I, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

2. Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng

a) Hỗ trợ xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trên sàn giao dịch thương mại điện tử.

b) Tham gia gian hàng của các hội chợ, triển lãm quốc tế trên môi trường mạng

c) Tổ chức hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng

d) Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu, giao thương trên môi trường mạng

đ) Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường trên môi trường mạng

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn trên môi trường mạng

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ đối với các quy định tại khoản 2, Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

3. Hỗ trợ các hoạt động phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại thương.

a) Tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 14, Mục II, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

b) Mời đoàn doanh nghiệp trong nước và nước ngoài vào tỉnh Hà Nam trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 15, Mục II, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

c) Tổ chức diễn đàn logistics, tổ chức hội chợ triển lãm quốc tế về logistics tại Hà Nam.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 16, Mục II, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

4. Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

a) Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 17, Mục III, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 18, Mục III, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

c) Tổ chức hoặc tham gia các chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 19, Mục III, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

d) Tổ chức hoặc tham gia các Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 20, Mục III, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

đ) Tổ chức, tham gia đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 21, Mục III, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

e) Tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 22, Mục III, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

g) Tổ chức hoặc tham gia hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 23, Mục III, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

h) Tổ chức tuyên truyền, quảng bá ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của Hà Nam ở nước ngoài.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 24, Mục III, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

i) Mời tổ chức, chuyên gia truyền thông nước ngoài vào Việt Nam sản xuất sản phẩm truyền thông quảng bá cho ngành hàng xuất khẩu Hà Nam ở nước ngoài.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 25, Mục III, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

5. Hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

a) Đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 26, Mục IV, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

b) Tổ chức, tham gia khóa đào tạo trọn gói của các tổ chức đào tạo (trực tiếp và trực tuyến).

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 27, Mục IV, Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

Điều 9. Nội dung, mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Hỗ trợ: Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp, hàng thủ công mỹ nghệ, quà tặng, hàng lưu niệm kết hợp hội chợ hàng tiêu dùng tổng hợp, máy móc thiết bị, sản phẩm đặc sản vùng miền của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

a) Nội dung hỗ trợ:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);
- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;
- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;
- Chi phí ăn, nghỉ cho đại biểu dự khai mạc hội chợ triển lãm;
- Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm;
- Các khoản chi khác (nếu có).

b) Mức hỗ trợ:

- Đối với các hội chợ, triển lãm thuộc các Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại, Chương trình khuyến công quốc gia và các chương trình quốc gia khác: Ngoài phần kinh phí ngân sách Trung ương đã hỗ trợ thì được hỗ trợ thêm tối đa 50% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ này nhưng không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/đơn vị tham gia.

- Đối với các hội chợ, triển lãm khác: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ này nhưng không quá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/đơn vị tham gia.

2. Hỗ trợ: Tham gia hội chợ, triển lãm tại các tỉnh, thành phố để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh, các hội, hiệp hội của tỉnh Hà Nam đến với người tiêu dùng trong cả nước.

a) Nội dung hỗ trợ:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Trang trí các gian hàng tại hội chợ triển lãm;
- Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu gian hàng tại hội chợ triển lãm;
- Chi phí thuê xe cho đại biểu tham dự khai mạc hội chợ triển lãm;
- Chi phí thuê xe vận chuyển hàng hóa để tham gia trưng bày, giới thiệu, quảng bá tại hội chợ triển lãm;
- Chi phí hàng mẫu trưng bày tại hội chợ triển lãm;
- Chi phí quản lý tham gia hội chợ triển lãm;
- Chi phí phụ cấp lưu trú, công tác phí, chi phí ăn, ở;
- Các khoản chi khác (nếu có).

b) Mức hỗ trợ:

- Đối với gian hàng của tỉnh do Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tổ chức tham gia tại các hội chợ, triển lãm: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ này.

- Đối với gian hàng của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh, các hội, hiệp hội của tỉnh Hà Nam tự tổ chức tham gia: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ này.

3. Hỗ trợ: Tổ chức hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại tỉnh Hà Nam.

a) Nội dung hỗ trợ:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);
- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức;
- Trang trí chung của hội nghị;
- Tổ chức hội nghị: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;
- Chi phí ăn, nghỉ cho đại biểu dự hội nghị;
- Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội nghị;
- Chi phí khảo sát tình hình tiêu thụ nông sản thực phẩm của các huyện, thành phố, thị xã; nhu cầu kết nối của doanh nghiệp.
- Các khoản chi khác (nếu có).

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ này.

4. Hỗ trợ: Tham gia hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Hà Nam do các tỉnh, thành phố khác trong cả nước tổ chức.

a) Nội dung hỗ trợ:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Trang trí các gian hàng tại hội nghị;
- Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu gian hàng tại hội nghị;
- Chi phí thuê xe cho đại biểu tham dự khai mạc hội nghị;
- Chi phí thuê xe vận chuyển hàng hóa để tham gia trưng bày tại hội nghị;
- Chi phí hàng mẫu trưng bày tại hội nghị;
- Chi phí quản lý tham gia hội nghị;

- Chi phí phụ cấp lưu trú, công tác phí, chi phí ăn, nghỉ;
- Các khoản chi khác (nếu có).

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ này.

5. Hỗ trợ: Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Nội dung hỗ trợ:

- Chi phí vận chuyển;
- Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;
- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;
- Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng;
- Các khoản chi khác (nếu có).

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ này nhưng không quá 150 triệu đồng/1 đợt bán hàng.

6. Hỗ trợ: Xây dựng, in ấn và phát hành ấn phẩm, tư liệu, catalog, guidebook, sách hướng dẫn về xúc tiến thương mại, các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh Hà Nam.

a) Nội dung hỗ trợ:

- Chi phí mua tư liệu;
- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;
- Chi phí chụp ảnh sản phẩm, tư liệu;
- Chi phí thiết kế bản in;
- Chi phí in ấn ra sản phẩm, tư liệu;
- Chi phí xuất bản và phát hành;
- Chi phí quản lý;
- Các khoản chi khác (nếu có).

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ này.

7. Hỗ trợ: Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia (gọi tắt là Thông tư số 171/2014/TT-BTC).

8. Hỗ trợ: Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 4, Điều 6, Thông tư số 171/2014/TT-BTC.

9. Hỗ trợ: Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 5, Điều 6, Thông tư số 171/2014/TT-BTC.

10. Hỗ trợ: Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 6, Điều 6, Thông tư số 171/2014/TT-BTC.

11. Hỗ trợ: Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 7, Điều 6, Thông tư số 171/2014/TT-BTC.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Xây dựng nhiệm vụ chương trình, đề án xúc tiến thương mại

1. Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị chủ trì xây dựng nhiệm vụ, đề án thuộc Chương trình Xúc tiến thương mại của tỉnh đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại xây dựng bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Sự cần thiết và căn cứ;
- b) Mục tiêu;
- c) Nội dung;
- d) Phương án triển khai;
- đ) Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện;
- e) Dự toán;
- g) Rủi ro dự kiến và các biện pháp khắc phục;
- h) Dự kiến kết quả đạt được;

2. Hồ sơ nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì xây dựng và gửi về Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 8 của năm trước năm kế hoạch, gồm:

- a) Công văn đề xuất thực hiện;

- b) Danh mục các nhiệm vụ, đề án đề xuất;
- c) Đề án;
- d) Dự toán;
- đ) Thông tin về chủ nhiệm đề án;
- e) Hồ sơ đơn vị chủ trì;

3. Số lượng hồ sơ gửi về Sở Công Thương: 02 bộ.

Điều 11. Thẩm định nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại

1. Sở Công Thương căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định tại Quy chế này và tiêu chí lựa chọn đánh giá tiến hành thẩm định, đánh giá các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì đề xuất, để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Sở, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Nội dung thẩm định:

- a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình;
- b) Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quy chế này;
- d) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;
- đ) Đối với các đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 02 năm tài chính, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.
- e) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

Điều 12: Phê duyệt Chương trình Xúc tiến thương mại giai đoạn và nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại hàng năm

1. Đối với Chương trình Xúc tiến thương mại giai đoạn: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Chương trình Xúc tiến thương mại giai đoạn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đối với các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại hàng năm

a) Sở Công Thương phê duyệt các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại hàng năm trên cơ sở Chương trình Xúc tiến thương mại giai đoạn và dự toán ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Công Thương.

b) Sở Công Thương thực hiện giao dự toán cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trực tiếp thực hiện hoặc ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại với các đơn vị chủ trì khác.

Điều 13. Điều chỉnh, chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, đề án

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, đề án đã được phê duyệt, các đơn vị chủ trì phải có văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh gửi Sở Công Thương.

2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung nhiệm vụ, đề án cho phù hợp với yêu cầu và tình hình cụ thể, trên cơ sở văn bản đề nghị của đơn vị chủ trì Sở Công Thương xem xét, quyết định.

3. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện đúng nội dung, tiến độ nhiệm vụ, đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung nhiệm vụ, đề án không còn phù hợp, Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ, đề án.

4. Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại trong năm kế hoạch, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương xem xét, quyết định.

5. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án, Sở Công Thương thực hiện việc điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có) trong dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao để bổ sung cho các đề án đã phê duyệt phát sinh tăng kinh phí, các đề án mới.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Công Thương

1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.
3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.
4. Tổng kết việc thực hiện Quy chế; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.
5. Không tiếp nhận nhiệm vụ, đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 16 Quy chế này.
6. Đình chỉ tham gia Chương trình trong 3 năm kế tiếp trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 6 Điều 16 Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh; thông báo nội dung Quy chế này đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hiệp hội thuộc đơn vị, địa phương mình quản lý biết, thực hiện.

Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán được duyệt; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.
2. Đối với nhiệm vụ, đề án có nhiều đơn vị tham gia Chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của nhiệm vụ, đề án.

3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong nhiệm vụ, đề án. Nội dung tham gia của đơn vị phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của đơn vị.

4. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày hoàn thành nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại, các đơn vị tham gia phải gửi hồ sơ quyết toán về các đơn vị chủ trì;

5. Khi thực hiện xong nhiệm vụ, đề án, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo tình hình thực hiện về Sở Công Thương.

6. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung về xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010, Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 và Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 171/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối với các nhiệm vụ, đề án đã được phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp các quy định được dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các quy định thay thế mới nhất.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất gửi Sở Công Thương, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Vượng